

Số: 25/2025/QĐCNTTLH

L, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị H T T và anh N V V.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của chị H T T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 03 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án:

- **Người khởi kiện:** Chị H T T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu Xuân Hương, xã Lương Sơn, huyện L, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho chị T: Bà Đỗ Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- **Người bị kiện:** Anh N V V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Xuân Hương, xã Lương Sơn, huyện L, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2025 có đủ điều kiện quy định tại điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 01 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H T T và anh N V V.

- Về con chung: Chị H T T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là N V S, sinh ngày 08/02/2011 và N T T, sinh ngày 06/01/2014. Anh N V V có nghĩa vụ cấp

đưỡng nuôi con chung cùng chị T là 1.500.000 đồng/02 con/tháng, phương thức cấp dưỡng hằng tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N V V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách Việt Nam- Phòng giao dịch huyện L, tỉnh T, số tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi suất (lãi đã trả hết tháng 3/2025). Chị T không phải thanh toán chênh lệch tiền trả nợ vì anh V tự nguyện không yêu cầu.

Kể từ ngày 01/4/2025, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay nợ các bên đã ký kết ngày 08/10/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thoả thuận khác.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về công sức: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về chi phí hòa giải: Chị T, anh V không phải chịu chi phí hòa giải theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Lương Sơn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo